

Số: 19 /2016/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 19 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân
tỉnh Quảng Trị khóa VII, nhiệm kỳ 2016-2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH 11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI ban hành kèm theo Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Trên cơ sở kế thừa, bổ sung Quy chế hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VI, nhiệm kỳ 2011-2016, ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2011/NQ-HĐND ngày 12/8/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Xét Tờ trình số 367/TTr-HĐND ngày 15/8/2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VII, nhiệm kỳ 2016-2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế, ý kiến tham gia của các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

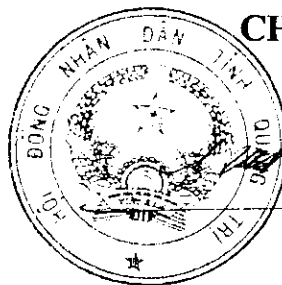
Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VII, nhiệm kỳ 2016-2021.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 19 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VPQH, VPCP, VPCTN; Bộ tư lệnh QK4;
- TVTU, TTHĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Viện KSND, TAND tỉnh;
- VP TU, VP Đoàn ĐBQH, LĐ VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- TTHĐND các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh;
- Báo, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VII, nhiệm kỳ 2016 - 2021

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19 /2016/NQ-HĐND
ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận; mối quan hệ giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và Kiểm toán Nhà nước khu vực II; công tác khen thưởng của Hội đồng nhân dân tỉnh; những điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và trách nhiệm thi hành của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khoá VII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan Nhà nước cấp trên.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ; làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Điều 3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân trong tỉnh, chịu trách nhiệm trước cử tri trong tỉnh và trước Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Liên hệ chặt chẽ với cử tri ở đơn vị bầu cử bầu ra mình, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri.

c) Tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

4. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không được biểu quyết thay cho đại biểu Hội đồng nhân dân khác.

b) Chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, tổ chức phiên họp bất thường, phiên họp kín của Hội đồng nhân dân tỉnh và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

d) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

đ) Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

e) Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp, không có sự đồng ý của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bị tạm giữ vì phạm tội quá tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo các Điều 101, 102 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân tỉnh; hoạt động thường xuyên, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tổ chức các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh; ban hành văn bản cá biệt để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan Nhà nước khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

d) Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; xem xét kết quả giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến việc thực hiện pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, kiểm tra và định kỳ 3 tháng một lần xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Phê chuẩn danh sách Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh trong số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và việc cho thôi làm Ủy viên của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

g) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

h) Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

i) Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh lên Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

k) Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; mỗi năm hai lần thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

l) Hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp dưới.

m) Phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc kiến toàn và hỗ trợ hoạt động Hội thẩm Tòa án nhân dân các cấp.

n) Thực hiện các hoạt động đối ngoại theo đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước và các chương trình hợp tác đối ngoại của tỉnh.

o) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và được Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh; lãnh đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; phân công trách nhiệm cho các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Một Phó Chủ tịch được phân công thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giải quyết công việc thường xuyên hàng ngày của Hội đồng nhân dân tỉnh; giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giải quyết một số công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ban Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh, trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Các thành viên của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

3. Các lĩnh vực phụ trách của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực thi hành Hiến pháp và pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính ở địa phương.

b) Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao ở địa phương.

c) Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, đô thị, giao thông, xây dựng, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

d) Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trong lĩnh vực dân tộc và chính sách tôn giáo ở địa phương.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

b) Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

c) Giúp Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách.

d) Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

đ) Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về hoạt động của Ban; chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban; phân công trách nhiệm cho các Phó Trưởng ban trong việc thực hiện nhiệm vụ theo lĩnh vực; giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban khác của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan tổ chức ở địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn; báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; tham dự các cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh triệu tập, thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan hữu quan mời; tổ chức giám sát, khảo sát của Ban; trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Phó Trưởng ban giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Trưởng ban. Trong trường hợp Trưởng ban hoạt động kiêm nhiệm, thì một Phó Trưởng ban được phân công thay mặt Ban giải quyết công việc thường xuyên hàng ngày theo Quy chế hoạt động của Ban; giúp Trưởng ban giải quyết một số công việc thuộc thẩm quyền của Trưởng ban.

Điều 6. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Số lượng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ định. Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ phó giúp Tổ trưởng thực hiện những việc được phân công.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

b) Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1

HOẠT ĐỘNG KỲ HỌP CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 7. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh họp mỗi năm ít nhất hai kỳ.

Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh họp bất thường khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thì Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định họp kín.

4. Dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp phải được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 8. Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương trình kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa mới do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa trước dự kiến. Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh khóa trước thẩm tra các nội dung trong dự kiến chương trình kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa mới, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa trước để xem xét tại kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa mới.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình kỳ họp. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp đã được thông qua.

Điều 9. Triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa mới được triệu tập chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; nếu có bầu cử lại, bầu cử thêm đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc lùi ngày bầu cử thì thời hạn triệu tập kỳ họp thứ nhất được tính từ ngày bầu cử lại, bầu cử thêm.

Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa trước triệu tập. Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thì một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa trước triệu tập kỳ họp; nếu khuyết cả Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thì Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ định triệu tập viên, để triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Trong nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp bất thường chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thì Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ định triệu tập viên, để triệu tập và chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

Quyết định triệu tập kỳ họp và dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp bất thường.

Điều 10. Khách mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại diện Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ; đại biểu Quốc hội được bầu tại địa phương được mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thành viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; có trách nhiệm tham dự các phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thảo luận về những vấn đề có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách. Người được mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách nếu được chủ tọa phiên họp đồng ý hoặc có trách nhiệm phát biểu ý kiến theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc chủ tọa phiên họp.

3. Đại diện cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được mời tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân tỉnh khi bàn về các vấn đề có liên quan.

4. Đại diện đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, khách quốc tế, cơ quan báo chí và công dân có thể được tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Tùy tình hình thực tế của mỗi kỳ họp, phiên họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành phần; vị trí chỗ ngồi của khách mời tham dự kỳ họp hoặc các phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Khách mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giữ trật tự, tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục tiến hành các phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ lịch sự, không tự do đi lại, điện thoại di động phải để chế độ im lặng; không hút thuốc lá trong hội trường và nơi công cộng.

Điều 11. Trách nhiệm của chủ tọa phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh

Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khai mạc và bế mạc kỳ họp, chủ tọa phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh, bảo đảm thực hiện chương trình kỳ họp và những quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tại kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh, người tiến hành triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh khai mạc kỳ họp và chủ tọa các phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh cho đến khi Hội đồng nhân dân tỉnh bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa mới.

Điều 12. Trình tự thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo thuyết trình trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đại diện Ban Hội đồng nhân dân tỉnh được giao thẩm tra dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày báo cáo thẩm tra.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận. Trước khi thảo luận, Hội đồng nhân dân tỉnh có thể tổ chức thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể, chủ tọa có thể nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo giải trình về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo bằng cách biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ hoặc biểu quyết toàn bộ một lần.

Điều 13. Ban hành nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc chủ tọa kỳ họp ký chứng thực.

2. Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc chủ tọa kỳ họp ký tên.

3. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh phải được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi lên Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

4. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được đăng công báo địa phương, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thư ký kỳ họp thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Nhiệm vụ của thư ký kỳ họp:

a) Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.

b) Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

c) Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp Tổ đại biểu và phiên họp toàn thể.

d) Giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan hữu quan chính lý dự thảo nghị quyết và các văn bản khác để trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Giúp chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

e) Trình bày dự thảo nghị quyết trước khi Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua.

g) Hoàn thiện hồ sơ kỳ họp trình chủ tọa kỳ họp ký chứng thực và ban hành các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

h) Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 15. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

a) Biểu quyết công khai.

b) Bỏ phiếu kín trực tiếp.

c) Trong trường hợp cần thiết, trước khi tiến hành biểu quyết chính thức tại các phiên họp toàn thể, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể lấy phiếu thăm dò ý kiến của đại biểu về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để có cơ sở báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành; riêng nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành.

4. Trong trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua, thì chủ tọa phiên họp tự mình hoặc theo đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc biểu quyết lại.

Điều 16. Tài liệu lưu hành tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định những tài liệu được lưu hành tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tài liệu kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh phải được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện quy định về sử dụng, bảo quản tài liệu trong kỳ họp; không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung các phiên họp kín của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Nghị quyết, văn bản, các tài liệu khác của mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 17. Các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục thi hành án dân sự tỉnh và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Giám sát chuyên đề.

5. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

Điều 18. Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và kiến nghị của cử tri trong tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và cử tri trong tỉnh gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày tờ trình về dự kiến chương trình giám sát.

b) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

c) Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, trừ trường hợp quy định tại Điều 22 Quy chế này.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 19. Xem xét báo cáo

1. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét các báo cáo sau đây:

a) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục thi hành án dân sự tỉnh.

b) Báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.

c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội; về thực hiện ngân sách Nhà nước, quyết toán ngân sách Nhà nước của địa phương; về công tác phòng, chống tham nhũng; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri.

d) Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

đ) Báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thời điểm xem xét báo cáo được quy định như sau:

a) Tại kỳ họp giữa năm và cuối năm, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo quy định tại điểm a và điểm c, khoản 1 Điều này.

b) Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

c) Thời điểm xem xét các báo cáo quy định tại điểm d và điểm đ, khoản 1 Điều này theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại mỗi kỳ họp.

3. Theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận báo cáo theo trình tự sau đây:
- a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày báo cáo.
 - b) Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra.
 - c) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan mà Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.
 - d) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.
 - đ) Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ra nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo.

5. Nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo phải có những nội dung cơ bản sau đây:

- a) Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập; trách nhiệm của cơ quan có báo cáo và người đứng đầu.
- b) Thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập.
- c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân.
- d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về giám sát.

Điều 20. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trước phiên họp chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn.

3. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể.

b) Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có).

c) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người bị chất vấn trả lời.

d) Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

Thời gian nêu chất vấn không quá 3 phút đối với từng nội dung chất vấn. Trường hợp có minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể; thời gian nêu chất vấn không quá 5 phút. Thời gian trả lời chất vấn của người bị chất vấn do chủ tọa phiên họp báo cáo Hội đồng nhân dân quyết định; thời gian trả lời chất vấn về từng vấn đề không quá 10 phút, trường hợp đặc biệt do chủ tọa phiên họp quyết định.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:

- a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp.
- b) Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh.
- c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ra nghị quyết về chất vấn. Nghị quyết về chất vấn có những nội dung cơ bản sau đây:

- a) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân liên quan đến vấn đề chất vấn.
- b) Thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập.
- c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân.
- d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về chất vấn.

6. Phiên họp chất vấn tại Hội đồng nhân dân tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp, trừ trường hợp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

7. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 21. Xem xét văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của mình theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày tờ trình.
- b) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.
- c) Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan.
- d) Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về việc xem xét văn bản.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải xác định văn bản quy phạm pháp luật trái hoặc không trái với Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

Điều 22. Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ chương trình giám sát, Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn, các thành viên liên quan khác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đại diện Ban liên quan của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức thành viên của Mặt trận và cơ quan liên quan có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng đề cương báo cáo đề cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo.

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày Đoàn tiến hành làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát.

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm.

đ) Xem xét, xác minh, mời tổ chức, chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết.

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

g) Khi kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét tại kỳ họp gần nhất.

Trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

- a) Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát.
- b) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình.
- c) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nghị quyết giám sát chuyên đề có những nội dung cơ bản, gồm: Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân hạn chế, bất cập liên quan đến chuyên đề giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan; thời gian khắc phục hạn chế, bất cập; trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân; trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết.

4. Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Trong thời hạn 50 ngày làm việc kể từ khi nhận được nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phải ban hành quyết định, công văn, thông báo tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 23. Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban Hội đồng nhân dân và Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Việc lấy phiếu tín nhiệm được thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự sau đây:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm.

b) Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm.

3. Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá tín nhiệm thấp thì có thể xin từ chức.

Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm.

4. Thời hạn, thời điểm, trình tự lấy phiếu tín nhiệm đối với người được Hội đồng nhân dân tỉnh bầu được thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội.

Điều 24. Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu trong các trường hợp sau đây:

a) Có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Có kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

c) Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp.

2. Việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu được thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân theo trình tự sau đây:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm.

b) Người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm trình bày ý kiến của mình.

c) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín.

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết xác nhận kết quả bỏ phiếu tín nhiệm.

3. Người được bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá không tín nhiệm thì có thể xin từ chức; trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người đó.

4. Trình tự bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu được thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội.

Điều 25. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc xem xét kết quả giám sát

Căn cứ vào kết quả giám sát, Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền sau:

1. Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Ra nghị quyết về chất vấn.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban Hội đồng nhân dân và Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 26. Chương trình xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn quy định trong Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và các quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật toàn khoá và hàng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 27. Xây dựng, ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, tự mình hoặc theo đề xuất của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân, có trách nhiệm đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để tổ chức thực hiện quy định của pháp luật tại địa phương hoặc sửa đổi, bổ sung nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định.

3. Cơ quan, tổ chức được phân công chủ trì soạn thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi hoàn thành dự thảo phải gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tự mình hoặc giao cho các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức khảo sát, hội thảo phục vụ cho công tác thẩm tra và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự thảo nghị quyết.

4. Việc ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Mục 4

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 28. Tổ chức các hoạt động đối ngoại của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có thể tổ chức các hoạt động đối ngoại nhằm thực hiện và mở rộng hoạt động đối ngoại trong khu vực và trên thế giới theo đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước và chương trình hợp tác đối ngoại của địa phương.

2. Khi triển khai hoạt động đối ngoại, thực hiện theo các quy định hiện hành về công tác lễ tân ngoại giao và quản lý Nhà nước về hoạt động đối ngoại.

Điều 29. Nội dung hoạt động đối ngoại của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hợp tác, giao lưu với cơ quan dân cư nước ngoài về hoạt động của cơ quan dân cư.

2. Tổ chức hội nghị, hội thảo có sự tham gia của phía nước ngoài; tham dự các hội nghị, hội thảo do phía nước ngoài mời.

3. Đón tiếp các đoàn nước ngoài đến thăm và làm việc trực tiếp với Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thực hiện nhiệm vụ đối ngoại, giúp đỡ lẫn nhau với Hội đồng nhân dân các tỉnh thuộc Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào có chung đường biên giới hoặc có quan hệ hợp tác với tỉnh Quảng Trị.

5. Các hoạt động đối ngoại khác của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI BIỂU VÀ TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 30. Tham dự kỳ họp của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trong công tác chuẩn bị kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị ý kiến tham gia tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tại kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm như sau:

a) Đeo phù hiệu đại biểu; trang phục đảm bảo lịch sự, phù hợp theo mùa. Trong các phiên khai mạc kỳ họp và tổng kết nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải mặc lễ phục. Lễ phục của nam là bộ comple, áo sơ mi, đeo cravat; lễ phục của nữ là áo dài truyền thống, bộ comple nữ; hoặc trang phục đặc thù của ngành nơi đại biểu công tác, trang phục dân tộc đối với đại biểu là người dân tộc thiểu số.

a) Tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục tiến hành các phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ lịch sự, không tự do đi lại, điện thoại di động phải để chế độ im lặng; không hút thuốc lá trong hội trường và nơi công cộng.

c) Nếu phát biểu ý kiến tại phiên họp toàn thể Hội đồng nhân dân tỉnh phải đăng ký và phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, không phát biểu quá hai lần về cùng một vấn đề; thời gian phát biểu không quá 10 phút. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh cần thảo luận thêm thì thời gian và số lần phát biểu do chủ tọa phiên họp quyết định.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phải báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đó.

Điều 31. Tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri và ít nhất mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân tỉnh, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

2. Sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể trực tiếp gặp gỡ cử tri để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri và những vấn đề mà đại biểu quan tâm; chuyên những kiến nghị của cử tri đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, gửi tới cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

4. Việc tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri để thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri về những vấn đề thuộc chương trình, nội dung kỳ họp và ý kiến, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan Nhà nước hữu quan ở địa phương.

b) Chậm nhất 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và vận động Nhân dân thực hiện nghị quyết đó.

c) Căn cứ vào chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng nhân dân, tình hình thực tế ở địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri hàng năm.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi kế hoạch tiếp xúc cử tri đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời thông báo cho Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi tiếp xúc cử tri để thực hiện.

d) Trên cơ sở kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng chương trình tiếp xúc cử tri của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri. Chương trình, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri phải được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương để Nhân dân biết tham gia.

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh họp phân công đại biểu tiếp xúc cử tri tại các đơn vị bầu cử, bảo đảm tính hiệu quả, thiết thực trong việc tiếp xúc cử tri. Trong trường hợp không thể tiếp xúc cử tri thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tiếp xúc cử tri của đại biểu trong Tổ, báo cáo với cử tri về việc tham gia tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu tại đơn vị bầu cử đó.

5. Căn cứ vào nội dung tiếp xúc cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri có thể gồm các thành phần sau đây:

a) Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận ở địa phương nơi tiếp xúc cử tri.

b) Cử tri trực tiếp làm việc, học tập tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế; cử tri ở thôn, làng, bản, tổ dân phố, khu phố, khóm.

6. Hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được tiến hành theo nội dung và trình tự sau đây:

a) Đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức tiếp xúc cử tri, nếu là hội nghị tiếp xúc cử tri ở cơ quan thì đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ quan chủ trì hội nghị, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần đại biểu, chương trình, nội dung hội nghị và cử thư ký ghi biên bản hội nghị.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo với cử tri những vấn đề: Dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp đối với hội nghị tiếp xúc cử tri trước kỳ họp; kết quả kỳ họp và kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp; việc triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương; hoạt động của đại biểu và của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp cuối năm.

c) Cử tri phát biểu ý kiến.

d) Đại diện Ủy ban nhân dân, cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu, trả lời những vấn đề cử tri nêu lên thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

đ) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phát biểu, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri.

e) Đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát biểu kết thúc hội nghị, nếu là hội nghị tiếp xúc cử tri ở cơ quan thì đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ quan phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị.

7. Sau mỗi đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức tiếp xúc cử tri, chuẩn bị báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt tiếp xúc cử tri.

Điều 32. Tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân nhằm thu thập ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của công dân, giải thích tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho công dân; hướng dẫn giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo và nhận đơn thư của công dân để chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết; đôn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết.

3. Trong thời hạn do pháp luật quy định, cơ quan tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân do đại biểu Hội đồng nhân dân

tình chuyên đến. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày ra quyết định giải quyết; cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo cho đại biểu Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh biết việc giải quyết.

4. Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đúng pháp luật, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại; khi cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó giải quyết.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh công tác có trách nhiệm tạo điều kiện để đại biểu có thời gian tiếp công dân, tiếp nhận, chuyển đơn, đôn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị của công dân.

Điều 33. Kiến nghị, yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân, trong đó nêu rõ lý do, nội dung kiến nghị.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, xử lý các kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo thẩm quyền và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này hoặc trong trường hợp khác mà Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xét thấy cần thiết.

3. Trường hợp có từ một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với một người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh họp bất thường hoặc họp kín thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo đề Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Số lượng kiến nghị cần thiết quy định tại khoản 3 Điều này là tổng số kiến nghị mà Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp nhận được trong khoảng thời gian từ ngày khai mạc kỳ họp này đến trước ngày khai mạc kỳ họp tiếp theo hoặc đến trước ngày tiến hành phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung có liên quan trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức phiên họp kín.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại điểm d, khoản 4, Điều 3 Quy chế này; cơ quan, tổ chức phải giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biết. Quá thời hạn này mà cơ quan, tổ chức không trả lời thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên xem xét, giải quyết.

7. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm trả lời những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Cuộc họp của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh họp ít nhất mỗi quý một lần để bàn kế hoạch công tác, phân công đại biểu tiếp dân, tổ chức nghiên cứu pháp luật, chính sách của Nhà nước. Thành viên Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Tổ đại biểu, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu.

Cuộc họp Tổ đại biểu phải được ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 35. Hoạt động giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a) Chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

c) Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương.

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại địa phương hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công; tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện hoạt động giám sát.

Điều 36. Chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền chất vấn trực tiếp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc gửi chất vấn bằng văn bản đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chất vấn phải cụ thể, rõ ràng, có căn cứ và phải liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn.

3. Trình tự, thủ tục chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 20 và Điều 53 Quy chế này.

4. Người bị chất vấn phải trả lời về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chất vấn.

Trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh họp, người bị chất vấn phải trả lời trước Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp đó. Trong trường hợp cần điều tra, xác minh thì Hội đồng nhân dân tỉnh có thể quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc cho trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để chuyển đến người bị chất vấn và quyết định thời hạn trả lời chất vấn.

Điều 37. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét nội dung quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 38. Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương của đại biểu và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, xem xét việc thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật trên địa bàn nơi đại biểu ứng cử.

3. Khi tiến hành giám sát, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thông báo nội dung, kế hoạch giám sát cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 07 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát (Văn bản thông báo giám sát của Tổ đại biểu theo yêu cầu của Tổ và do Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh phát hành).

b) Mời đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia giám sát.

4. Khi tiến hành giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát.

b) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; trường hợp cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với việc giải quyết thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét giải quyết.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức phải giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biết. Quá thời hạn này mà cơ quan, tổ chức không trả lời thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên xem xét, giải quyết.

c) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 39. Tổng hợp tình hình hoạt động của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hàng năm, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp tình hình hoạt động về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ công tác của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong năm, gửi thông báo về Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biết.

2. Cuối nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp tình hình hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh cả nhiệm kỳ, báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 40. Chuẩn bị, triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

Trong việc chuẩn bị, triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chậm nhất là bốn mươi ngày trước ngày tiến hành kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì họp với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan khác để dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp.

2. Quyết định triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, công bố dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp.

3. Chủ trì, phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương để báo cáo tại kỳ họp.

4. Tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và trả lời chất vấn giữa hai kỳ họp; chuyển nội dung chất vấn của đại biểu đến các cơ quan liên quan.

5. Tổ chức Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thống nhất nội dung điều hành và rà soát công tác chuẩn bị kỳ họp.

6. Đôn đốc các cơ quan, tổ chức hữu quan gửi tài liệu kỳ họp đúng thời hạn do pháp luật quy định.

Điều 41. Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Điều khiển phiên họp theo chương trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chương trình khi cần thiết.

2. Dự kiến các vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Bảo đảm quyền phát biểu, chất vấn, thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh một cách công khai, dân chủ, bình đẳng.

4. Chỉ đạo việc tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu tại phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh và tại cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến của đại biểu và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

6. Điều hành để Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thành nội dung, chương trình và thời gian đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 42. Đôn đốc, kiểm tra và giám sát Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan khác của Nhà nước ở địa phương

Trong việc đôn đốc, kiểm tra và giám sát Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác của Nhà nước ở địa phương thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác của Nhà nước ở địa phương báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thi hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Khi phát hiện có sai phạm trong việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân địa phương thì Thường trực Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan Nhà nước hữu quan ở địa phương áp dụng các biện pháp để chấm dứt hành vi vi phạm, xem xét, xử lý và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể trình ra kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc triệu tập kỳ họp bất thường để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Ủy ban nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 43. Chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

Trong việc chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Phân công Ban thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Phân công Ban tham gia hoạt động đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số công việc khác.

3. Phân công Ban thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp chương trình hoạt động của các Ban và đơn đốc các Ban hoạt động; tham dự cuộc họp của Ban.

5. Tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, bàn các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 44. Tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân; xây dựng các quy định, thủ tục về tiếp công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình của địa phương; sắp xếp lịch tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; bố trí công chức có đủ trình độ, năng lực và am hiểu về pháp luật để làm nhiệm vụ tiếp công dân; tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia tiếp công dân tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phải có lịch tiếp công dân trong tháng. Trường hợp trong tháng không bố trí được lịch tiếp công dân, thì ít nhất mỗi quý Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phải bố trí thời gian 01 ngày để trực tiếp tiếp công dân.

3. Các Phó Chủ tịch và Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách phải thường xuyên luân phiên tiếp công dân tại trụ sở Tiếp công dân của tỉnh và tại trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 45. Giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

Trong việc giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Đơn đốc các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri; giám sát giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương.

2. Phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh theo dõi, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri do đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển đến để chuyển tới các cơ quan Nhà nước, tổ chức hữu quan nghiên cứu giải quyết và theo dõi, đơn đốc việc giải quyết; báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh những ý kiến, kiến nghị đó và kết quả giải quyết của các cơ quan, tổ chức hữu quan.

3. Tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh, các văn bản quy phạm pháp luật khác, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Theo dõi, đơn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Đảm bảo kinh phí cho hoạt động tiếp xúc cử tri và hoạt động Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 46. Xem xét các nội dung phản ánh của các cơ quan báo chí

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét các nội dung phản ánh của các cơ quan báo chí liên quan đến hoạt động của chính quyền địa

phương, để giải quyết kịp thời những kiến nghị của cử tri và phát huy vai trò của báo chí phục vụ cho công tác giám sát của cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương.

Điều 47. Quan hệ phối hợp công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tạo điều kiện cho Đoàn công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn công tác của Chính phủ khi về địa phương công tác.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị giao ban, trao đổi kinh nghiệm hoạt động với Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh; tham gia hội nghị giao ban do Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh tổ chức.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị giao ban, trao đổi kinh nghiệm hoạt động với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện mỗi năm 2 lần; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động cho Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện và khi cần thiết có thể giúp cấp huyện trong việc tổ chức tập huấn cho đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã.

Điều 48. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Tại phiên họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; nếu Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh vắng mặt thì một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền chủ tọa phiên họp.

4. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do khách quan không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Đại diện Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Đại diện Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi bàn về vấn đề có liên quan.

7. Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án; đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Điều 49. Quyết định, cho ý kiến các vấn đề giữa hai kỳ họp

Khi quyết định, cho ý kiến các vấn đề giữa hai kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện như sau:

1. Xem xét, thảo luận vấn đề và quyết định tập thể tại kỳ họp hàng tháng của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối với những vấn đề cần xử lý ngay để đảm bảo thời gian theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước cấp trên; theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của lãnh đạo Ban chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công theo dõi lĩnh vực báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh để thống nhất quyết định. Các trường hợp thuộc thẩm quyền của tập thể Thường trực theo pháp luật quy định thì tổ chức phiên họp đột xuất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét quyết định; hoặc Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để quyết định.

Điều 50. Các hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

6. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

Điều 51. Chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình giám sát hằng năm của mình căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị của các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, phản ánh của các cơ quan báo chí và ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương.

Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị giám sát đưa vào chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Đề nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp đề nghị giám sát trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chương trình giám sát hằng năm được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

a) Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh trình dự kiến chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chương trình giám sát.

3. Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung trong chương trình; giao các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung thuộc chương trình và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của mình với Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp giữa năm của năm sau.

Điều 52. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Theo đề nghị của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

2. Ban Pháp chế có trách nhiệm thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp.

3. Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có đề nghị trình bày.
- b) Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra.
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.
- d) Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật báo cáo, giải trình.
- đ) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.
- e) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

5. Khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; trường hợp cơ quan ban hành văn bản không thực hiện yêu cầu thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 53. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ vào chương trình phiên họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn, thời gian chất vấn.

2. Hoạt động chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể.

b) Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có).

c) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người bị chất vấn trả lời.

d) Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

Thời gian nêu chất vấn không quá 3 phút đối với từng nội dung chất vấn. Trường hợp có minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể; thì thời gian nêu chất vấn không quá 5 phút. Thời gian trả lời chất vấn của người bị chất vấn do chủ tọa phiên họp báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; thời gian trả lời chất vấn về từng vấn đề không quá 10 phút, trường hợp cần thiết do chủ tọa phiên họp quyết định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong trường hợp sau đây:

- a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại phiên họp.
- b) Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh.
- c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại phiên họp nhưng chưa được trả lời tại phiên họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời thì có quyền đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

Điều 54. Giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề.

Quyết định thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn, các thành viên khác gồm đại diện của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát báo cáo.

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày ra quyết định thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày Đoàn làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát.

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm.

d) Xem xét, xác minh, mời tổ chức, chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết.

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

g) Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về hoạt động giám sát của mình giữa hai kỳ họp.

Điều 55. Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo.

b) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan.

d) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

2. Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

4. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

Điều 56. Giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu thành viên của Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giải trình và cá nhân có liên quan tham gia giải trình vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

Việc tổ chức giải trình, nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình và người được yêu cầu giải trình do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Người được yêu cầu có trách nhiệm báo cáo, giải trình theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại phiên giải trình. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học có thể được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại phiên giải trình.

2. Nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được thông báo cho cá nhân được yêu cầu giải trình chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình.

3. Phiên giải trình được tổ chức công khai, trừ trường hợp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Phiên giải trình được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Chủ tọa nêu nội dung yêu cầu giải trình, người có trách nhiệm giải trình.

b) Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự nêu yêu cầu giải trình.

c) Người giải trình có trách nhiệm giải trình vấn đề được yêu cầu.

d) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên giải trình phát biểu ý kiến.

đ) Chủ tọa tóm tắt nội dung phiên giải trình, dự kiến kết luận vấn đề được giải trình.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua kết luận vấn đề được giải trình; kết luận được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành. Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, người được yêu cầu giải trình và cơ quan, tổ chức có liên quan.

5. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 57. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát hoặc giao cho các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại địa phương.

2. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

Điều 58. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh trình bày báo cáo.

b) Cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra.

c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 59. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát

1. Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Yêu cầu Ban Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch giám sát của mình, bảo đảm hoạt động giám sát không bị trùng lặp.

3. Phân công Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Hàng quý, tổ chức họp với Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh để phối hợp hoạt động giám sát, đánh giá về tình hình và kết quả hoạt động giám sát.

5. Tổng hợp kết quả giám sát trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương V

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 60. Cuộc họp của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

Ban Hội đồng nhân dân tỉnh họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý, 6 tháng và cả năm; phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban. Thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban.

Điều 61. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, Ban Hội đồng nhân dân tỉnh cử thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan

soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra; tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án.

2. Việc thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày.

b) Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu ý kiến.

c) Các thành viên của Ban thảo luận.

d) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phát biểu ý kiến nếu thấy cần thiết.

đ) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

3. Báo cáo thẩm tra cần đánh giá về sự phù hợp của dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nêu rõ quan điểm và đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

Điều 62. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban Ủy ban thường vụ Quốc hội khi các cơ quan này về công tác ở địa phương.

3. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội trao đổi kinh nghiệm về lĩnh vực hoạt động của mình với các Ban tương ứng của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Ban Hội đồng nhân dân tỉnh cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà Ban Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

Điều 63. Các hoạt động giám sát của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thẩm tra các báo cáo do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phân công.

2. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Điều 64. Phạm vi, đối tượng giám sát của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp.
3. Các tổ chức, cá nhân khác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật mà Hội đồng nhân dân cấp dưới không thực hiện.

Điều 65. Chương trình giám sát của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh lập chương trình giám sát hằng năm căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến các thành viên của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Chương trình giám sát hằng năm của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh được Ban xem xét, quyết định vào cuối năm trước. Trường hợp tổ chức thực hiện chương trình giám sát; trường hợp cần thiết, chương trình giám sát có thể được điều chỉnh.

Điều 66. Thẩm tra báo cáo

1. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp thẩm tra báo cáo quy định tại khoản 1, Điều 19 Quy chế này theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Việc thẩm tra báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày.
- b) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự phiên họp phát biểu ý kiến.
- c) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.
- d) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày, giải trình bổ sung.
- đ) Chủ tọa phiên họp dự kiến kết luận; Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

3. Báo cáo thẩm tra của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 67. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. Ban Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản phải thông báo cho Ban Hội đồng nhân dân tỉnh biết việc giải quyết; quá thời hạn này mà không trả lời hoặc giải quyết không đáp ứng với yêu cầu thì Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 68. Giám sát chuyên đề của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ vào chương trình giám sát của mình hoặc qua giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc được Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giao thì Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức Đoàn giám sát của Ban để thực hiện giám sát chuyên đề.

Quyết định thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn, các thành viên khác gồm Ủy viên của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia hoạt động Đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo.

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày ra quyết định thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày Đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát.

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm.

đ) Xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết.

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

g) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát phải báo cáo kết quả giám sát với Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 69. Xem xét báo cáo của Đoàn giám sát

1. Căn cứ vào tính chất, nội dung của vấn đề được giám sát, Ban tổ chức phiên họp để xem xét, thảo luận về báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau:

a) Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo.

b) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.

c) Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

d) Chủ tọa phiên họp kết luận; Ban Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

2. Báo cáo kết quả giám sát của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết.

3. Báo cáo kết quả giám sát của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

4. Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 70. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân

1. Ban Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát để giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị tại địa phương thuộc phạm vi phụ trách.

2. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Ban Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và phải báo cáo Ban Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, THƯỜNG TRỰC VÀ CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1

QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH VÀ CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN CỦA MẶT TRẬN

Điều 71.

Quan hệ giữa Hội đồng nhân dân với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận là quan hệ phối hợp, tạo điều kiện để cùng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận ban hành Quy chế phối hợp công tác về xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri; theo dõi hoạt động của đại

biểu và giúp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm nhiệm vụ đại biểu; giám sát tiêu chuẩn đại biểu và việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu; đề nghị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân theo quy định của pháp luật; tham gia các hoạt động giám sát, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề quan trọng ở địa phương.

Mục 2

QUAN HỆ GIỮA THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 72.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh, giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, quản lý, sử dụng ngân sách địa phương.

Căn cứ quy định tại Điều này, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ký kết Quy chế phối hợp công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 3

QUAN HỆ GIỮA THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC II

Điều 73.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nghiêm túc Quy chế phối hợp với Kiểm toán Nhà nước khu vực II trong hoạt động giám sát tài chính - ngân sách ở địa phương nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao hiệu quả trong quá trình quản lý và sử dụng tiền, tài sản Nhà nước; phát hiện, ngăn chặn các hành vi tham nhũng, vi phạm pháp luật...

Mục 4

QUAN HỆ GIỮA THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH

Điều 74.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong việc tiếp xúc cử tri, trong hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân

dân tỉnh; trong các kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; trong xây dựng pháp luật theo yêu cầu của Quốc hội.

Căn cứ quy định tại Điều này, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ký kết Quy chế phối hợp công tác với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

Chương VII **NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG** **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 75. Trụ sở, kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh được bảo đảm cơ sở vật chất, trang bị các phương tiện để đáp ứng yêu cầu hoạt động.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật.

Điều 76. Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 77. Các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách được bố trí nơi làm việc, được trả lương, phụ cấp và hưởng các chế độ để hỗ trợ cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thời gian làm việc trong năm mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách dành cho việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu được tính vào thời gian làm việc của đại biểu ở cơ quan, tổ chức, đơn vị mà đại biểu làm việc và được bảo đảm trả lương, phụ cấp, các chế độ khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị đó đài thọ. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu làm việc có trách nhiệm sắp xếp công việc, tạo điều kiện cần thiết cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm nhiệm vụ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận tạo điều kiện để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân với Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp hoạt động phí hàng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách được bảo đảm trang thiết bị văn phòng đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cung cấp báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục thi hành án dân sự tỉnh và các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh. Việc cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

8. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp kinh phí hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát; hỗ trợ công tác phí; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu; học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 78. Chế độ, chính sách cụ thể đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Về tiền lương

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh với mức 0,14 mức lương cơ sở/ngày.

Ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là ngày tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo kế hoạch, chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Về hoạt động phí

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng bằng hệ số 0,5 mức lương cơ sở.

3. Các chế độ, chính sách khác

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân tỉnh chi trả từ ngân sách nhà nước.

Chương XIII
CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH,
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 79. Thẩm quyền, đối tượng và hình thức khen thưởng

1. Hàng năm và vào cuối nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hình thức khen thưởng của Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là Bằng khen.

3. Căn cứ quy định tại Điều này, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn và đối tượng khen thưởng.

Điều 80. Nguyên tắc khen thưởng

1. Việc khen thưởng được thực hiện trên nguyên tắc dân chủ, công khai, chính xác và công bằng.

2. Bảo đảm đúng đối tượng, đúng quy trình, đúng thẩm quyền.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 81. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy chế này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và tham mưu bổ sung, sửa đổi Quy chế này./.



Nguyễn Văn Hùng